

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HSST
Ngày: 22-11-2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thái.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Văn Bé – Nguyên Bí thư Huyện đoàn.

Ông Lê Quốc Tiết – Cán bộ hưu trí.

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Mai – Thư ký
Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tòng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Trần Thanh T, sinh năm: 1994, nơi sinh: Long An. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà N; Vợ, con: chưa có.

Tiền sự: 02

- Ngày 10/4/2017 bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Long An xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt).

- Ngày 01/10/2018 Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và chấp hành xong quyết định vào ngày 01/01/2019.

Tiền án: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 12/9/2019 đến ngày 12/11/2019 theo Lệnh của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Bà Đặng Thị S, sinh năm: 1978.

2. Ông Lê Văn G, sinh ngày 28/7/2002.

- Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn G: Bà Đặng Thị S, sinh năm: 1978.

Bà S, ông G cùng cư trú tại: Số 403/7, ấp Thanh Hòa, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 00 ngày 20/7/2019 Trần Thanh T đi thăm nò đặt cá ở bờ sông phía sau nhà bà Đặng Thị S, ngụ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An thì nhìn thấy cửa sau nhà bà Đặng Thị S mở và không người trông coi nên nảy sinh ý định vào nhà để trộm cắp tài sản. Trần Thanh T đi từ phía bờ sông lên khu vực nhà bếp thì nhìn thấy xe mô tô biển số 62M4-9074, hiệu Wave S màu đỏ đen, xe có gắn sẵn chìa khóa trên ổ khóa xe. T lấy chìa khóa mở yên xe để tìm tài sản nhưng không có tài sản, nên đóng yên xe lại như lúc ban đầu và tiếp tục đi lên phía nhà trên thì nhìn thấy trên đầu tủ lạnh có 02 cái điện thoại di động (01 cái hiệu Samsung J2, màu vàng kim; 01 cái hiệu Nokia, màu đỏ đen) của bà Đặng Thị S và 01 cái bóp da màu nâu, bên trong có số tiền là 2.152.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi hai ngàn đồng), 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn G, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 62F9-7039 mang tên Đặng Thiên Đ, 01 giấy bảo hiểm xe mô tô biển số 62F9-7039, là tài sản và giấy tờ tùy thân của Lê Văn G, sinh ngày 28/7/2002, là con ruột của bà S. Trần Thanh T lấy tất cả số tài sản này bỏ vào túi áo bên trái rồi đi trở ra bờ sông tiếp tục giở nò đặt cá. Sau đó thì đi về nhà bà Võ Thị N ở ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An là bà ngoại của T để cất giấu số tài sản trộm được trong túi quần Jean treo trên sào đồ ở nhà bếp. Sau đó T đi uống cà phê và đánh bi da hết số tiền 145.000 đồng, trong đó T lấy số tiền 75.000 đồng trong cái bóp trộm nhà bà S và 70.000 đồng của T để trả cho chủ quán. Một lúc sau Công an xã T đến mời T về trụ sở làm việc và T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tang vật tạm giữ gồm:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu vàng kim.
- Số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng)
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J2, màu vàng kim bên trong có số sim số: 0945254075.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đỏ đen (đã bị hỏng).

- 01(một) cái bóp da màu nâu bên trong có:
 - + Số tiền 2.077.000 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn đồng).
 - + 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn G.
 - + 01 (một) giấy đăng ký xe biển số 62F9-7039 mang tên Đặng Thiên Đức.
 - + 01 (một) bảo hiểm xe mô tô biển số 62F9-7039.
- Số tiền 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng).

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành có kết luận định giá số: 27/KL- HĐĐG ngày 29/7/2019 kết luận như sau: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 số IMEI 355213/09/473239/3; 355214/09/473239/1, màu vàng kim đã qua sử dụng có giá thị trường là 500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đỏ đen (đã bị hỏng) không còn giá trị sử dụng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Trần Thanh T trộm cắp có giá trị là 2.652.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 33/ CT-VKSCT ngày 04 tháng 11 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo Trần Thanh T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thanh T theo tội danh và điều luật nêu trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thanh T mức án từ 06 đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, của Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Thanh T đã khai nhận: Vào khoảng 06 giờ ngày 20/7/2019, lợi dụng lúc nhà bà Đặng Thị S không có người trông coi nên bị cáo đã đột nhập vào nhà lấy trộm 02 điện thoại di động (01 hiệu Samsung J2, màu vàng

kim; 01 hiệu Nokia, màu đỏ đen (đã bị hỏng)) có giá trị là 500.000 đồng của bà Đặng Thị S; 01 cái bóp bằng da màu nâu, bên trong có số tiền là 2.152.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân là tài sản của anh Lê Văn G nhằm mục đích để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Tổng cộng số tài sản bị cáo Trần Thanh T chiếm đoạt của người bị hại có giá trị là 2.652.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, được lập lúc 15 giờ 00 phút ngày 20/7/2019.

Điều 173 Bộ luật Hình sự, quy định tội: *Trộm cắp tài sản*:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. ...”

Xét thấy bị cáo Trần Thanh T đã lén lút trộm cắp tài sản của bà Đặng Thị S và anh Lê Văn G, có tổng giá trị là 2.652.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Thanh T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Thanh T là một thanh niên có tuổi đời còn trẻ, có nghề nghiệp nhưng không chịu lao động chính đáng để phục vụ cho bản thân và gia đình, bị cáo đã có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng không chịu cải sửa bản thân, lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đã thể hiện ý thức lười lao động, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho bản thân. Do đó, để lập lại trật tự kỷ cương của pháp luật, cần tuyên cho bị cáo một hình phạt tương xứng thì mới đề cao tính nghiêm minh của pháp luật cũng như răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp tiền bồi thường khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng: không có, nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo bản thân trở thành công dân tốt.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo về tội danh và mức án trên là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Người bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, nên không xem xét.

[4] Về vật chứng đã thu giữ không có liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị cáo nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo Trần Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thanh T **09 (chín) tháng tù**. Thời gian tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

- Về án phí: Bị cáo Trần Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày nhận được bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Bị cáo; Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thái